

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày 11/9/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Kiều Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Quốc Thìn

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1985, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: xóm T, thôn Tr, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Phú V, sinh năm 1987, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: xóm X, tổ dân phố G, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại bản tự khai và tại các buổi làm việc, nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Trần Phú V tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã B (nay là thị trấn C), huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, ngày 14/11/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau được khoảng 06 năm và sinh được một con chung. Tuy nhiên, thời gian chung sống, giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh V công tác ở xa, ít về nhà và thiếu sự quan tâm, chăm sóc gia đình. Từ năm 2018 đến nay, giữa vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm và cũng ít liên lạc với nhau. Nay chị thấy rằng giữa vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Anh Trần Phú V.

Về con chung: Giữa vợ chồng có một con chung tên là Trần Huỳnh Thủy T, sinh ngày 13/9/2013, hiện chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị L về việc anh chị có tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B (nay là thị trấn C), huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà vợ được 06 năm. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Anh thừa nhận bản thân có những thiếu sót trong quan hệ vợ chồng, thừa nhận mình có sai, có nhậu nhẹt nhưng những việc này không phải là lý do dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Anh thấy rằng trong thời gian anh công tác tại tỉnh K, vì điều kiện xa nhà nên việc chăm lo cho gia đình, con cái không được thường xuyên. Vừa qua, anh đã chuyển công tác về tại Trường Tiểu học B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, gần nhà nên có điều kiện chăm sóc gia đình. Tuy nhiên, do mới chuyển công tác về, có nhiều công việc phải làm nên việc chăm sóc gia đình, con cái không được thường xuyên. Thời gian tới, anh sẽ cố gắng khắc phục, mong muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi con, anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị L không đồng ý đoàn tụ, vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Giữa vợ chồng có một con chung tên là Trần Huỳnh Thủy T, sinh ngày 13/9/2013, hiện chị L đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con trưởng thành, không đồng ý giải quyết việc nuôi con như chị L yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không có yêu cầu gì về tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng

dân sự. Việc các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy giữa Chị Huỳnh Thị Mỹ L và Anh Trần Phú V có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung với nhau, vi phạm các quy định về quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng và không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

+ Về con chung: Xét thấy hiện chị L đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho Chị Huỳnh Thị Mỹ L tiếp tục trong nôi, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

+ Án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 40, ngày 14/11/2012 của Ủy ban nhân dân xã B (nay là thị trấn C), huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của các bên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị L và anh V xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[2.1] Chị L cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh V không quan tâm đến gia đình, con cái, nhiều lần nhậu nhẹt, vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm, liên lạc với nhau nên chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Anh V xác định giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng, vì bận công việc nên anh không thường xuyên chăm sóc gia đình, anh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ sống chung.

[2.2] Hội đồng xét xử thấy rằng qua làm việc với các đoàn thể, chính quyền địa phương và gia đình chị L thì có đủ cơ sở xác định giữa chị L và anh V có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Anh V mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng qua kết quả làm việc, hòa giải giữa hai bên thì thấy rằng giữa anh chị không còn khả năng đoàn tụ, vợ chồng đã không còn

sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay. Bên cạnh đó, trong thời gian qua, vợ chồng không cải thiện được tình trạng hôn nhân, không khắc phục được mâu thuẫn. Do đó, việc chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng từ ngày vợ chồng không còn sống chung với nhau, chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Qua ý kiến trình bày nguyện vọng của cháu Trần Huỳnh Thủy T thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, việc chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng con chung chưa thành niên và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Án phí: Chị Huỳnh Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng.

[8] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mỹ L được ly hôn Anh Trần Phú V.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Huỳnh Thủy T, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013 cho Chị Huỳnh Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (cháu T hiện đang ở với mẹ).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xét.

4. Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

6. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu số tiền chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003821, ngày 21/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nguyên đơn và bị đơn nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND nhân dân huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND thị trấn Châu Ổ (Đăng ký kết hôn số 40, ngày 14/11/2012 tại UBND xã Bình Thới);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung

